

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST

Ngày 21/4/2023

*“V/v: Ly hôn và nuôi con chung”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đình Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Liên

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

*Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Lê Minh Thuận, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 953/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022, về việc: “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Viết S, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số nhà 06, đường số 6, Buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Lê Thị Bích C, sinh năm 1997.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Ấp T, xã phú M, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Số nhà 06, đường số 6, Buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Viết S trình bày có nội dung như sau:***

Ông Nguyễn Viết S và bà Lê Thị Bích C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 11/08/2015. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình trái ngược

nhau, bất đồng về quan điểm sống làm cho cuộc sống của vợ chồng ngày càng ngột ngạt, hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không có hạnh phúc. Sau đó thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh càng tăng và sống ly thân cho đến nay, nay ông S thấy không còn tình cảm với bà Lê Thị Bích C nữa nên ông S yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông S được ly hôn với bà Lê Thị Bích C .

Về con chung, ông S và bà Lê Thị Bích C có một con chung là Nguyễn Duy K, sinh ngày 28/3/2015, hiện nay con chung đang sống cùng với ông S nên ông S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 30/3/2023, bà Lê Thị Bích C trình bày:***

Bà Lê Thị Bích C hiện đang cư trú và sinh sống tại tổ 2, Ấp T, xã Phú M, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên bà C thống nhất yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết, xét xử vụ án ly hôn giữa ông S và bà C.

Về yêu cầu khởi kiện của ông S xin ly hôn với bà C: Bà Lê Thị Bích C và ông Nguyễn Viết S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 11/08/2015. Đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đến năm 2018 thì vợ chồng sống ly thân. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông S không chung thủy một vợ, một chồng.

Về con chung: Bà C và ông S có một con chung là Nguyễn Duy K, sinh ngày 28/3/2015, hiện nay con chung đang sống cùng với ông S và theo nguyện vọng của con chung nên bà C thống nhất giao con chung cho ông S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên. Bà C có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện đi lại khó khăn nên bà C đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt bà C trong quá trình Tòa án giải quyết, xét xử vụ án và giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buon Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết S xin ly hôn bà Lê Thị Bích C.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Viết S được ly hôn với bà Lê Thị Bích C.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 28/3/2015 cho ông Nguyễn Viết S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Bà Lê Thị Bích C có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông S, bà C không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông S, bà C không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn ông S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.*

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn bà Lê Thị Bích C có cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và chỗ ở hiện nay tại tổ 2, ấp T, xã Phú M, huyện G, tỉnh Kiên Giang và các đương sự thống nhất chọn Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết, xét xử vụ án ly hôn giữa ông S và bà C, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S, bà C là phù hợp với Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Ông S và bà C lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 11/08/2015, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình trái ngược nhau, bất đồng về quan điểm sống làm cho cuộc sống của vợ chồng ngày càng ngột ngạt, hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không có hạnh phúc. Sau đó thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và sống ly thân cho đến nay, nay ông S thấy không còn tình cảm với bà Lê Thị Bích C nên ông S yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông S được ly hôn với bà Lê Thị Bích C.

Tại biên bản xác minh của Tòa án chính quyền địa phương thể hiện về mâu thuẫn vợ chồng giữa ông S và bà C cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được, địa phương chỉ biết hiện vợ chồng đã sống ly thân, con chung là Nguyễn Duy K, sinh ngày 28/3/2015 hiện đang do ông S trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, bà C thường xuyên vắng mặt ở nhà.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa ông S và bà C đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc,

mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông S là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Hiện nay ông S đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Duy K, sinh ngày 28/3/2015, hiện ông S đang trực tiếp nuôi dưỡng và bà C cũng đồng ý để cho ông S được trực tiếp nuôi dưỡng nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và để ổn định cuộc sống của con chung cần giao cháu Nguyễn Duy K cho ông Nguyễn Viết S được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

Bà Lê Thị Bích C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ông S, bà C không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông S, bà C không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[6]. Về án phí: Ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết S xin ly hôn bà Lê Thị Bích C.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Viết S được ly hôn bà Lê Thị Bích C.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Duy K, sinh ngày 28/3/2015 cho ông Nguyễn Viết S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Bà Lê Thị Bích C có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông S, bà C không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông S, bà C không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Viết S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông S đã nộp (Nguyễn Thị Ngọc Mai nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2021/0021563 ngày 11/10/2022.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- *TA tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND TP.B;*
- *CCTHADS TP.B;*
- *UBND phường T, TP.B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS + VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Lê Đình Thanh**